

## **PHẦN II**

### **NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

#### **I. LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP VÀ MÔI TRƯỜNG**

##### **1. Cấp tài khoản, phân quyền tài khoản sử dụng cơ sở dữ liệu (CSDL) môi trường ngành Công Thương**

###### **1.1. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)**

- Doanh nghiệp đề nghị Sở Công Thương nơi đăng ký trụ sở chính tổng hợp danh sách cấp tài khoản truy cập.

- Sở Công Thương rà soát, hướng dẫn và tổng hợp danh sách các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý (trừ các doanh nghiệp thuộc điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương) gửi về Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp để đề nghị cấp tài khoản truy cập cho các đối tượng.

- Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp tiến hành cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường cho các đối tượng theo văn bản đề nghị của Sở Công Thương, thông báo cho Sở Công Thương danh sách tài khoản truy cập đã tạo lập.

\* Trường hợp Sở Công Thương, doanh nghiệp thực hiện như quy định đề nghị cấp tài khoản nếu có các thay đổi sau: Thay đổi số lượng tài khoản doanh nghiệp quản lý; Chấm dứt tài khoản truy cập do doanh nghiệp ngừng hoạt động hoặc giảm quy mô, công suất đến mức không thuộc Phụ lục I; Đăng ký bổ sung tài khoản do phát sinh thêm số lượng doanh nghiệp truy cập cơ sở dữ liệu môi trường.

Các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 42/2020/TT-BCT có nhu cầu sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường gửi đề nghị đến Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp để xem xét cấp tài khoản truy cập.

**1.2. Cách thức thực hiện:** qua dịch vụ bưu chính hoặc thông qua hệ thống quản lý văn bản điều hành.

###### **1.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Mẫu đề nghị cấp tài khoản truy cập tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020.

b) Số lượng hồ sơ: không quy định.

**1.4. Thời gian thực hiện:** Việc khai báo cơ sở dữ liệu môi trường hàng năm được hoàn thành trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

###### **1.5. Đối tượng thực hiện:**

- Cơ sở, sản xuất kinh doanh thuộc các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương có quy mô, công suất quy định tại Phụ lục I Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020.

- Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Các doanh nghiệp không thuộc khoản 1 Điều 1 Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 được khuyến khích thực hiện khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương.

#### **1.6. Cơ quan giải quyết:**

- Cơ quan tiếp nhận: Sở Công Thương.

- Cơ quan giải quyết: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp.

#### **1.7. Kết quả thực hiện:** Thông báo danh sách tài khoản truy cập.

#### **1.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**1.9. Tên mẫu đơn, tờ khai:** Mẫu đề nghị cấp tài khoản truy cập tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020.

#### **1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC**

##### **\* Trách nhiệm của Doanh nghiệp**

- Doanh nghiệp đăng ký với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu để cấp mới, bổ sung, thay đổi và chấm dứt tài khoản khai báo cơ sở dữ liệu môi trường.

- Định kỳ thực hiện khai báo cơ sở dữ liệu đầy đủ nội dung, đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các dữ liệu do mình khai báo.

- Bảo mật thông tin tài khoản đã được cấp, không để các đối tượng không có thẩm quyền truy cập trái phép vào CSDL môi trường.

##### **\* Trách nhiệm của Sở Công Thương**

- Tổng hợp danh sách đề nghị cấp tài khoản truy cập của các doanh nghiệp gửi về Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp để được cấp tài khoản truy cập.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc đăng ký tài khoản, khai báo dữ liệu môi trường của các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

- Bảo mật thông tin tài khoản, dữ liệu khai báo môi trường của Sở Công Thương.

#### **1.11. Căn cứ pháp lý**

Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương.

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG PHẢI KHAI BÁO CƠ SỞ DỮ LIỆU**  
**MÔI TRƯỜNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG**

*(Kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương)*

<b>TT</b>	<b>Ngành, lĩnh vực</b>	<b>Quy mô, công suất theo thiết kế/đăng ký đầu tư</b>
1	Nhiệt điện	Tất cả
2	Thủy điện	Từ 20 MW trở lên
3	Khai thác dầu khí	Tất cả
4	Lọc, hóa dầu	Tất cả
5	Sản xuất hóa chất, chất tẩy rửa	Từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
6	Sản xuất phân hóa học	Từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
7	Sản xuất pin, ắc quy	Từ 300.000 KWh/năm trở lên hoặc 600 tấn sản phẩm/năm trở lên
8	Sản xuất bột giấy	Từ 50.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
9	Sản xuất giấy có sử dụng giấy phế liệu	Từ 50.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
10	Sản xuất bia, nước giải khát	Từ 30.000.000 lít sản phẩm/năm trở lên
11	Sản xuất cồn, rượu	Từ 2.000.000 lít sản phẩm/năm trở lên
12	Dệt có nhuộm	Từ 100.000.000 m <sup>2</sup> vải/năm trở lên
13	Thuộc da	Từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
14	Sản xuất sản phẩm từ cao su	Từ 100.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
15	Sản xuất gang, thép, luyện kim	Từ 300.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
16	Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng)	Thuộc thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường

**PHỤ LỤC II**  
**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP TÀI KHOẢN TRUY CẬP CƠ SỞ DỮ LIỆU**  
**MÔI TRƯỜNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG**

*(Kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương)*

**Mẫu 01: Văn bản đề nghị cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường áp dụng đối với doanh nghiệp**

(1)

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:....

(Địa danh), ngày ....tháng....năm ....

*V/v Đề nghị cấp tài khoản  
truy cập cơ sở dữ liệu môi  
trường ngành Công Thương*

**Kính gửi:** Sở Công Thương (hoặc Tập đoàn, Tổng công ty)

Thực hiện Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ Công Thương quy định khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương, (1) đã rà soát và xác định (1) thuộc danh mục đối tượng phải (hoặc đối tượng khuyến khích) khai báo cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương (Thông tin kèm theo công văn này).

Căn cứ Điều 4 Thông tư số /2020/TT-BCT, (1) đề nghị Sở Công Thương (hoặc Tập đoàn, Tổng công ty) tổng hợp danh sách gửi Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp tài khoản truy cập./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: ....

(2)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành, lĩnh vực thuộc Phụ lục I	Quy mô, công suất thuộc Phụ lục I	Số điện thoại liên hệ	Email sử dụng đăng ký tài khoản truy cập	Ghi chú (Phải khai báo hoặc khuyến khích)
...	Công ty ...						
	Nhà máy ... (trường hợp Công ty có nhiều nhà máy trên các địa bàn khác nhau và không thể khai báo chung một tài khoản)						
	Nhà máy ... (trường hợp Công ty có nhiều nhà máy trên các địa bàn khác nhau và không thể khai báo chung một tài khoản)						
	...						

**Ghi chú:** (1) tên doanh nghiệp; (2) người đại diện pháp luật của (1).

**Mẫu 02: Văn bản đề nghị cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường áp dụng đối với Tập đoàn, Tổng công ty, Sở Công Thương**

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:....

(Địa danh), ngày ....tháng....năm ....

*V/v đề nghị cấp tài khoản  
 truy cập cơ sở dữ liệu môi  
 trường ngành Công Thương*

**Kính gửi:** Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

Thực hiện Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ Công Thương quy định khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương, (1) đã rà soát và tổng hợp danh sách các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý (Danh sách kèm theo công văn này).

Căn cứ Điều 4 Thông tư số /2020/TT-BCT, (1) đề nghị Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp tài khoản truy cập cho các doanh nghiệp nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: ....

(2)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

## DANH SÁCH

### CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA (1)

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành, lĩnh vực thuộc Phụ lục I	Quy mô, công suất thuộc Phụ lục I	Số điện thoại liên hệ	Email sử dụng đăng ký tài khoản truy cập	Ghi chú (Phải khai báo hoặc khuyến khích)
	Sở Công Thương tỉnh /thành phố...						
...	Công ty ...						
...	Công ty..						
...	Công ty..						
	...						

**Ghi chú:** (1) tên Tập đoàn, Tổng công ty, Sở Công Thương; (2) người đại diện pháp luật của (1).

### **PHỤ LỤC III**

## **DANH MỤC DỮ LIỆU, THÔNG TIN KHAI BÁO CƠ SỞ DỮ LIỆU**

## **MÔI TRƯỜNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG**

*(Kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương)*

#### **1. Thông tin chung doanh nghiệp**

- Tên doanh nghiệp;
- Nhóm ngành nghề doanh nghiệp;
- Ngành nghề sản xuất;
- Địa chỉ;
- Người đại diện theo pháp luật; Email; Điện thoại;
- Người khai báo; Email; Điện thoại;
- Dữ liệu về thông tin sản xuất
- + Sản lượng sản phẩm chính;
- + Mô tả sản lượng;
- + Quy trình công nghệ sản xuất.

#### **2. Dữ liệu về tình hình sử dụng**

Khối lượng nguyên, nhiên liệu, hóa chất và năng lượng sử dụng.

#### **3. Dữ liệu giấy phép về môi trường**

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường; Giấy chứng nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và các giấy phép khác theo quy định hiện hành.

#### **4. Dữ liệu về quản lý nước thải**

- Hệ thống xử lý nước thải: Nguồn phát sinh nước thải; Năm bắt đầu hoạt động; Công suất thiết kế; Công suất xử lý hiện tại; Nguồn tiếp nhận nước thải; Công nghệ xử lý nước thải.
- Lưu lượng nước thải: Lưu lượng nước thải sản xuất; Lưu lượng nước thải sinh hoạt; Lưu lượng nước được xử lý; Lưu lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng; Lưu lượng nước làm mát.
- Chất lượng nước thải: Địa điểm lấy mẫu (kèm tọa độ); Thời gian lấy mẫu; Hệ số Kf, Kq; Quy chuẩn áp dụng; Nồng độ thông số ô nhiễm trong nước thải trước (nếu có) và sau xử lý.

#### **5. Dữ liệu về quản lý khí thải**

- Hệ thống xử lý khí thải: Nguồn phát sinh khí thải; Công nghệ xử lý khí thải.
- Lưu lượng khí thải.



- Chất lượng khí thải: Địa điểm lấy mẫu (kèm tọa độ); Thời gian lấy mẫu; Hệ số Kv, Kp; Quy chuẩn áp dụng; Nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải trước (nếu có) và sau xử lý.

#### 6. Dữ liệu về quản lý chất thải rắn

- Chất thải rắn thông thường: Tình trạng phân loại; Loại chất thải; Hình thức thu gom, xử lý; số lượng chất thải rắn thông thường.

- Chất thải nguy hại: Tên chất thải nguy hại; Mã chất thải nguy hại; số lượng chất thải nguy hại; Hình thức xử lý; Tình trạng phân loại chất thải nguy hại; Tình trạng kho lưu trữ; Hình ảnh kho chất thải nguy hại.

## II. LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

### 2. Tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung

#### 2.1. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính (TTHC)

*Bước 1:* Chuyên viên Phòng Thương mại xây dựng dự thảo văn bản tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung. Sau đó trình lãnh đạo Phòng Thương mại dự thảo văn bản tham vấn.

*Bước 2:* Lãnh đạo Phòng Thương mại kiểm tra nội dung dự thảo văn bản tham vấn và trình Lãnh đạo Sở xem xét phê duyệt.

*Bước 3:* Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt văn bản tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương (nếu thống nhất) và chuyển Văn thư phát hành văn bản. Trường hợp Lãnh đạo Sở chưa thống nhất dự thảo văn bản thì chuyển lại Lãnh đạo Phòng Thương mại chỉnh sửa, bổ sung (nếu có).

*Bước 4:* Văn thư Sở Công Thương tiếp nhận và phát hành văn bản tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

*Bước 5:* Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương tiếp nhận văn bản và trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương trong việc kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và có trách nhiệm trả lời đề nghị tham vấn của Sở Công Thương trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị tham vấn.

**2.2. Cách thức thực hiện:** qua dịch vụ bưu chính hoặc thông qua hệ thống quản lý văn bản điều hành.

#### 2.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Công văn tham vấn về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung Mẫu số 07 phụ lục ban hành tại Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024.

b) Số lượng hồ sơ: không quy định.

**2.4. Thời gian thực hiện:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị tham vấn.

**2.5. Đối tượng thực hiện:** Sở Công Thương, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan đơn vị có liên quan.

**2.6. Cơ quan giải quyết:** cơ quan, quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan đơn vị có liên quan.

**2.7. Kết quả thực hiện TTHC:** ban hành văn bản tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan đơn vị có liên quan.

**2.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai:** Công văn tham vấn về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung Mẫu số 7 phụ lục ban hành tại Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024.

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không quy định.

**2.11. Căn cứ pháp lý**

Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN (1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (2)** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../(3)...-...(4)...

V/v tham vấn về hợp đồng theo mẫu, điều kiện  
 giao dịch chung

(5), ngày... tháng ... năm ...

Kính gửi: ...(6)

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số....ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, ...(2) tham vấn ý kiến của ...(6) liên quan đến hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về các nội dung sau:

... (7)

Đề nghị ...(6) gửi ý kiến trả lời nội dung tham vấn trước ngày ... về ..(2) theo địa chỉ: ...

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...

- Lưu:

VT, ...(8)..(9).

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,  
 dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

**Họ và tên**

**Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành công văn.

(3) Chữ viết tắt tên loại văn bản.

(4) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành văn bản.

(5) Địa danh.

(6) Tên cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến góp ý hồ sơ đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

(7) Cơ quan, tổ chức ban hành công văn ghi rõ nội dung cần lấy ý kiến góp ý.

(8) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

### **3. Cung cấp danh sách, tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng mẫu, điều kiện giao dịch chung trong giao dịch với người tiêu dùng**

#### **3.1. Trình tự, cách thức, thời gian giải quyết thủ tục hành chính**

*Bước 1:* Chuyên viên Phòng Thương mại xây dựng dự thảo báo cáo tình hình kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trên địa bàn tỉnh kèm theo danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung. Sau đó trình lãnh đạo Phòng Thương mại dự thảo báo cáo.

*Bước 2:* Lãnh đạo Phòng Thương mại kiểm tra nội dung dự thảo báo cáo tình hình kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trên địa bàn tỉnh kèm theo danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung và trình Lãnh đạo Sở xem xét phê duyệt.

*Bước 3:* Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt báo cáo (nếu thống nhất) và chuyển Văn thư phát hành văn bản. Trường hợp Lãnh đạo Sở chưa thống nhất dự thảo văn bản thì chuyển lại Lãnh đạo Phòng Thương mại chỉnh sửa, bổ sung (nếu có).

*Bước 4:* Văn thư Sở Công Thương tiếp nhận và phát hành văn bản báo cáo tình hình kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trên địa bàn tỉnh kèm theo danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

*Bước 5:* Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc Bộ Công Thương tiếp nhận báo cáo.

**3.2. Cách thức thực hiện:** qua dịch vụ bưu chính hoặc thông qua hệ thống quản lý văn bản điều hành.

#### **3.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

Báo cáo tình hình kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trên địa bàn tỉnh kèm theo danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung Mẫu số 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: không quy định.

**3.4. Thời gian thực hiện:** Trước ngày 25 tháng 12 hàng năm.

**3.5. Đối tượng thực hiện:** Sở Công Thương, Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc Bộ Công Thương.

**3.6. Cơ quan giải quyết:** Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc Bộ Công Thương.

**3.7. Kết quả thực hiện TTHC:** báo cáo tình hình kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trên địa bàn tỉnh kèm theo danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

**3.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**3.9. Tên mẫu đơn, tờ khai:** Báo cáo tình hình kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trên địa bàn tỉnh Mẫu số 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP.

**3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không quy định.

**3.11. Căn cứ pháp lý**

Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH KIỂM SOÁT HỢP ĐỒNG THEO MẪU,**  
**ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH,**  
**THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

---

**I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT HỢP ĐỒNG THEO MẪU, ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG**

1. Về kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc phạm vi phải đăng ký theo Quyết định số... ngày...tháng...năm... của Thủ tướng Chính phủ

1.1. Về chấp hành trách nhiệm đăng ký của tổ chức, cá nhân kinh doanh

- Tổng hợp số liệu về số lượng tổ chức, cá nhân kinh doanh tại địa phương có sử dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung (HĐTM, ĐKGDC) thuộc phạm vi phải đăng ký.

- Thực trạng chấp hành trách nhiệm đăng ký của tổ chức, cá nhân kinh doanh.

1.2. Về tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký HĐTM, ĐKGDC

- Tổng hợp số liệu tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đăng ký.

- Thời gian phê duyệt hồ sơ đăng ký, số hồ sơ phê duyệt đúng thời hạn; trước thời hạn; quá thời hạn.

- Phạm vi, nội dung kiểm soát.

- Hình thức trả lời kết quả đăng ký (mỗi lĩnh vực kèm theo 02 mẫu thông báo (thông báo về việc hoàn thành trách nhiệm đăng ký; thông báo về việc kết quả thẩm định hồ sơ đăng ký) đính kèm hồ sơ HĐTM, ĐKGDC).

- Công bố công khai và lưu trữ trên cổng thông tin điện tử địa phương.

1.3. Về xử lý kiến nghị, phản ánh, khiếu nại của tổ chức, cá nhân kinh doanh và người tiêu dùng liên quan đến HĐTM, ĐKGDC (nếu có)

- Số lượng kiến nghị, phản ánh, khiếu nại.

- Lĩnh vực và nội dung kiến nghị, phản ánh, khiếu nại phổ biến.

- Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại.

1.4. Về công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm liên quan đến HĐTM, ĐKGDC

- Số lượng các đoàn thanh tra, kiểm tra; lĩnh vực thanh tra, kiểm tra.

- Các vi phạm chủ yếu.

- Kết quả xử lý vi phạm.

2. Về kiểm soát HĐTM, ĐKGDC không thuộc phạm vi phải đăng ký theo quy định tại Điều ... Nghị định số... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

2.1. Về chấp hành pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (BVQLNTD) về HĐTM, ĐKGDC của tổ chức, cá nhân kinh doanh

- Tổng hợp số liệu về số lượng tổ chức, cá nhân kinh doanh tại địa phương có sử dụng HĐTM, ĐKGDC.

- Thực trạng chấp hành pháp luật BVQLNTD về HĐTM, ĐKGDC của tổ chức, cá nhân kinh doanh.

2.2. Về xử lý kiến nghị, phản ánh, khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến HĐTM, ĐKGDC (nếu có)

- Số lượng kiến nghị, phản ánh, khiếu nại.
- Lĩnh vực và nội dung kiến nghị, phản ánh, khiếu nại phổ biến.
- Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại.

2.3. Về công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm liên quan đến HĐTM, ĐKGDC

- Số lượng các đoàn thanh tra, kiểm tra; lĩnh vực thanh tra, kiểm tra.
- Các vi phạm chủ yếu.
- Kết quả xử lý vi phạm.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT HĐTM, ĐKGDC**

1. Thuận lợi.
2. Khó khăn và nguyên nhân.

## **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

- Đối với Trung ương.
- Đối với địa phương (bao gồm cả các tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng).
- Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh.
- Đối với người tiêu dùng.